

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Hoàng Bá;
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

- **Thư ký Phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia Phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn Phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị P**-1978-có mặt.
 - Bị đơn:** Ông **Trần Ngọc P1**-1975-Vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông P1 do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thạnh An ngày 25/6/2004. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm tháng 12/2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P1 không chăm lo cho gia đình, thường hay ăn chơi, không chung thủy, bà P có khuyên nhưng ông không nghe, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không hạnh phúc. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung nên bà P yêu cầu ly hôn với P1. Về con chung: Bà P xác định có 03 con chung với ông P1 tên là Trần Chí L-sinh

ngày 12/12/1997, Trần Ngọc S-sinh ngày 02/11/2009 và Trần Nguyễn Ngọc H-sinh ngày 08/7/2021, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sơn và cháu H, không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng do mâu thuẫn về tiền bạc, bà P lấy tiền cố đất tiêu xài cá nhân, không hỏi ý kiến của ông, từ đó vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi, vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Qua yêu cầu của bà P, ông P1 không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ thương con. Giả sử, Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông tôn trọng ý kiến của cháu Sơn, ông đồng ý giao cháu Hân cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án có triệu tập hợp lệ ông P1 nhiều lần đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông P1 không đến. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trình bày trên. Bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông P1. Về con chung: Giao cháu S và cháu H cho bà P nuôi dưỡng, ông P1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại ên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà P yêu cầu ly hôn với ông P1 nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vĩnh Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân của bà P và ông P1 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân

hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà P xác định vợ chồng đã có một thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 12/2022 đến nay. Theo bà P trình bày thì nguyên nhân là do ông P1 ăn chơi, không quan tâm lo lắng cho vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Cả hai không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm nên bà P yêu cầu ly hôn với ông P1. Ông P1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần vẫn không đến Tòa để tham gia hòa giải. Mặc dù, ông không đồng ý ly hôn với bà P, tuy nhiên, bà P kiên quyết ly hôn với ông, bà không muốn hàn gắn tình cảm cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông P1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà P xác định có 03 con chung tên là Trần Chí L-sinh ngày 12/12/1997, Trần Ngọc S-sinh ngày 02/11/2009 và Trần Nguyễn Ngọc H-sinh ngày 08/7/2021, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S và cháu H, do bà đi làm có thu nhập ổn định nên không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ông P1 đồng ý giao cháu S và cháu H cho bà P nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, việc nuôi dạy con là trách nhiệm chung của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Từ khi ly thân đến nay, cháu S và cháu H do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, môi trường sống và sinh hoạt của các cháu đã ổn định. Bà P có thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dạy các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ý kiến cháu Sơn cũng đồng ý sống chung với bà P, không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nghĩ nên công nhận. Đối với cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi theo qui định nên giao cho mẹ nuôi. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu S và cháu H cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông P1 không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần Ngọc P1.

Về con chung: Công nhận bà P và ông P1 có 03 con chung tên là Trần Chí Linh sinh ngày 12/12/1997, Trần Ngọc S sinh ngày 02/11/2009 và Trần Nguyễn Ngọc H sinh ngày 08/7/2021. Giao cháu S và cháu H cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông P1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P1 không ai được cản trở. Ông P1 và bà P có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006622 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, công nhận bà P đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Sáu